

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 56/2019/DS-ST

Ngày: 28- 11- 2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Vạn Sinh

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28-11-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2019/TLST-DS, ngày 19-7-2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXX-ST ngày 21-10-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-DS ngày 06-11-2019 giữa các đương sự, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở tại: Số 266-268 N, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T – Trưởng phòng giao dịch B - Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ. (Theo Giấy ủy quyền số 4071/2018/GUQ – PL ngày 10/12/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H – Chuyên viên QLTD (theo Giấy ủy quyền số 105/2019/GUQ –BH ngày 19/6/2019/2019, ông H, có mặt;

Địa chỉ: Số 495-497 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim L, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01-7-2019, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 10/10/2015, bà Trần Thị Kim L có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trần Thị Kim L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), với mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Thị Kim L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 7.801.081 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 30/11/2018 đến nay bà Trần Thị Kim L chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/11/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 08/5/2019, bà Trần Thị Kim L còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 7.801.081 đồng, nợ lãi quá hạn 1.550.409 đồng. Tổng cộng bà L còn nợ Ngân hàng 9.351.490 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi một nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà L, yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà L trả nợ, tuy nhiên, bà L vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 08/5/2019 là 9.351.490 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi một nghìn bốn trăm chín mươi đồng, Trong đó, nợ gốc là 7.801.081 đồng, nợ lãi quá hạn 1.550.409 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 09/5/2019 cho đến khi bà L trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết tại Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 01-7-2019 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 09-7-2019 Tòa án thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 17-7-2019 Ngân hàng bổ sung đơn khởi kiện; ngày 17-7-2019 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, cùng ngày 17-7-2019 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a,c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Kim L vắng mặt. Do vậy HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp với điểm b, khoản 2, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10-10-2015 ký giữa bà Trần Thị Kim Lộc và Ngân hàng thì bà Trần Thị Kim L được cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Thị Kim L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 7.801.081 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 30/11/2018 đến nay bà Trần Thị Kim L chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng các bên đã ký kết, nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 08/5/2019 là 9.351.490 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Các Điều 463; 465; 466; 468 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S

Buộc bà Trần Thị Kim L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số nợ tính đến ngày 08/5/2019 là 9.351.490 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi một nghìn bốn trăm chín mươi đồng, Trong đó, nợ gốc là 7.801.081 đồng, nợ lãi quá hạn 1.550.409 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 09/5/2019 cho đến khi bà L trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết tại Hợp đồng.

Kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Kim L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Trần Thị Kim L phải chịu 467.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000150 ngày 17-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- CC.THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Kim Chung

